

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST

Ngày: 27-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Xuân Hậu

Ông Phan Quang Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: ông Rô Đăm Quyết- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/HSST-QĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo sau:

Họ tên: **PHẠM VĂN H-** Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1958, tại huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hóa: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hre; Tôn giáo: không; Con ông: Đinh H (Phạm Văn L) đã chết và bà Phạm Thị G đã chết; Vợ: Phạm Thị T và có 05 người con (con lớn nhất 36 tuổi, nhỏ nhất 23 tuổi); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hà Văn H- Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (theo quyết định số 38/QQĐ-TGPL ngày 27/3/2017 về việc cử luật sư cộng tác viên tham gia tổ tụng của Giám đốc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi) (có mặt)

**** Nguyên đơn dân sự:***

1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn C- Chủ tịch UBND xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn Ô- Chủ tịch UBND xã B2, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Phạm Văn T- sinh năm 1982; Trú tại: Thôn K, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt)

* *Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn X- Cán bộ phòng Văn hóa thông tin huyện B (phiên dịch tiếng Hre) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2016, Phạm Văn H nhận thấy khu vực rừng Nước Gôn giáp ranh giữa xã B1 và xã B2 có cây rừng nhỏ và thưa, nên nảy sinh ý định chặt hạ cây rừng để lấy đất trồng keo. Đến đầu tháng 06/2016, Phạm Văn H nói với con rể là Phạm Văn T đây là đất ông bà ngày trước để lại và bảo T đi cùng với Phạm Văn H lên chặt phá cây rừng lấy đất trồng keo thì T đồng ý đi theo. Sau đó, Phạm Văn H dẫn Phạm Văn T lên khu vực rừng thuộc lô 4, khoảnh 3, tiểu khu 416 xã B1 và lô 2, khoảnh 3, tiểu khu 425 xã B2, thuộc huyện B để phát luống, chặt hạ dây leo. Ngày hôm sau, Phạm Văn H cùng Phạm Văn T tiếp tục sử dụng rựa phát luống, chặt hạ dây leo liên tục trong 7 ngày thì nghỉ. Khoảng một tuần sau đó, Phạm Văn H nói với Phạm Văn T sử dụng 01 máy cưa xăng cưa hạ cây lớn trên diện tích đã phát luống, còn Phạm Văn H dùng rựa chặt hạ cây nhỏ trong thời gian 03 buổi thì nghỉ, không làm nữa và chờ cây khô rồi đốt. Trong thời gian chờ cây, dây leo khô để đốt thì bị lực lượng chức năng phát hiện và ngăn chặn hành vi chặt phá cây rừng trái phép.

Sau khi nhận được báo cáo của Kiểm lâm địa bàn và chính quyền địa phương xã B1 và xã B2 có vụ việc phá rừng trái pháp luật. Ngày 09/8/2016, Hạt kiểm lâm huyện phối hợp với Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ và Viện kiểm sát tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả xác định như sau: Vị trí lô 2,

khoảnh 3, tiểu khu 425, xã B2 và lô 4 khoảnh 3, tiểu khu 416, xã B1, huyện B. Tại hiện trường có nhiều cây to và cây nhỏ và nhiều dây leo bị chặt hạ, đã khô héo; các mặt cắt của các gốc cây có dấu hình răng cưa, còn các loại cây nhỏ và dây leo có dấu cắt nhăm nhở, mặt cắt từ trên xuống; mặt cắt đường kính của các gốc cây từ 8 cm đến 42 cm và cách mặt đất đến mặt cắt từ 10 cm đến 80 cm. Tiến hành lập ô tiêu chuẩn 500 m²/01 ô, trong 01 ô tiêu chuẩn tính được từ 30 đến 33 gốc cây.

Ngày 30/9/2017, Chi cục kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi giám định về việc phá rừng tại Lô 4, Khoảnh 3, Tiểu khu 416, xã B1 và Lô 2, Khoảnh 3, Tiểu khu 425, thuộc xã B2, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, kết luận:

- Vị trí, diện tích, mục đích quy hoạch cho lâm nghiệp:
- + Diện tích 10.780 m² nằm ở lô 4, khoảnh 3, tiểu khu 416 xã B1, huyện B thuộc chức năng quy hoạch rừng sản xuất.
- + Diện tích 6.180 m² nằm ở lô 2, khoảnh 3, tiểu khu 425 xã B2 thuộc chức năng quy hoạch rừng phòng hộ đầu nguồn.

Tổng diện tích: Diện tích: 16.960 m² (*Mười sáu ngàn chín trăm sáu mươi mét vuông*).

- Trạng thái rừng: Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo.
- Trữ lượng rừng, sản lượng gỗ bị thiệt hại
- + Tại tiểu khu 416: Tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại: 44,9419m³/ha x 1,0787ha = 48,4473m³; Tổng khối lượng (*sản lượng*) gỗ bị thiệt hại: 48,4473m³ x 55% = 26,6460m³.
- + Tại tiểu khu 425: Tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại: 45,1976m³/ha x 0,618ha = 27,9321m³; Tổng khối lượng (*sản lượng*) gỗ bị thiệt hại: 27,9321m³ x 55% = 15,3626m³.

Ngày 06/09/2017, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận số 13/KL-HĐĐGTS về việc xác định giá trị tiền bồi thường thiệt hại đối với hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại về rừng theo Điều 8, Quy định về giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*ban hành kèm theo Quyết định số 61/2015/QĐ-UBND, ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*), cụ thể như sau:

- Tại tiểu khu 416 xã B1: giá trị bị thiệt hại phải bồi thường là 47.202.176 đồng. Trong đó: giá trị lâm sản rừng tự nhiên bị thiệt hại là 11.800.544đ, giá trị môi trường bị thiệt hại là 35.401.632đ.
- Tại tiểu khu 425 xã B2: giá trị bị thiệt hại phải bồi thường là 34.012.420 đồng. Trong đó: giá trị lâm sản rừng tự nhiên bị thiệt hại là 6.802.484 đồng, giá trị môi trường bị thiệt hại là 27.209.936 đồng.

Tổng giá trị bị thiệt hại là 81.214.596 (*Tám mươi một triệu, hai trăm mười bốn nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng*).

* Về tang vật vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ đã thu giữ: 01 máy cưa xăng hiệu SHARN, không có lam cưa, dài 44 cm, màu trắng – vàng, đã bị hư hỏng máy, không có nắp chụp và 01 cái rựa dài 45 cm, cán bằng gỗ tròn, dài 19 cm, phần lưỡi dài 30 cm.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra UBND xã B1 và UBND xã B2 yêu cầu bị cáo Phạm Văn H phải có trách nhiệm trồng lại rừng trên diện tích đã chặt phá trái pháp luật theo hồ sơ thiết kế trồng rừng sản xuất đối với Tiểu khu 416 và hồ sơ thiết kế trồng rừng phòng hộ đối với Tiểu khu 425 do Trung tâm tư vấn NN&PTNT Quảng Ngãi thiết kế với chi phí: đối với tiểu khu 416 xã B1: 38.557.548 đồng, đối với tiểu khu 425 xã B2: 21.801.480 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện cho UBND xã B1 và UBND xã B2 rút yêu cầu này.

Tại cáo trạng số 17/QĐ-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “hủy hoại rừng”. Áp dụng: điểm b, khoản 3 điều 189; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm x khoản 1 điều 51; điểm đ, khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Phạm Văn H 03 năm tù cho hưởng án treo.

Về dân sự buộc bị cáo bồi thường toàn bộ chi phí khôi phục lại rừng với tổng số tiền là 81.214.596 (*Tám mươi một triệu, hai trăm mười bốn nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng*).

Về vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 máy cưa xăng hiệu SHARN, không có lam cưa, dài 44 cm, màu trắng – vàng, đã bị hư hỏng máy, không có nắp chụp; tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa dài 45 cm, cán bằng gỗ tròn, dài 19 cm, phần lưỡi dài 30 cm.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H: Thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, vì bản thân bị cáo H đã thừa nhận hành vi phạm tội. Mục đích của bị cáo là muốn phát dọn những khu vực rừng nghèo để trồng keo, tạo việc làm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng không biết khu vực này là rừng phòng hộ và thiếu hiểu biết về pháp luật, chứ không cố ý hủy hoại rừng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về động cơ, mục đích nêu trên của bị cáo, xem xét về nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi thực hiện hành vi, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội và đã bồi thường, khắc phục một phần trách nhiệm dân sự cho Nhà nước. Bị cáo là con liệt sĩ và hiện đang nuôi chị gái ruột là người có công với Cách mạng đã bị mù. Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm x Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Phạm Văn H được hưởng án treo.

Bị cáo Phạm Văn H không có tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn H khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào đầu năm 2016, Phạm Văn H nhận thấy khu vực rừng Nước Gôn giáp ranh giữa xã B1 và xã B2 có cây rừng nhỏ và thưa, nên nảy sinh ý định chặt hạ cây rừng để lấy đất trồng keo. Đến đầu tháng 06/2016, Phạm Văn H nói với con rể là Phạm Văn T đây là đất ông, bà ngày trước để lại và bảo T đi cùng với Phạm Văn H lên chặt phá cây rừng lấy

đất trồng keo thì T đồng ý đi theo. Sau đó, Phạm Văn H dẫn Phạm Văn T lên khu vực rừng thuộc lô 4, khoảnh 3, tiểu khu 416 xã B1 và lô 2, khoảnh 3, tiểu khu 425 xã B2, thuộc huyện B để phát luống, chặt hạ dây leo. Ngày hôm sau, Phạm Văn H cùng Phạm Văn T tiếp tục sử dụng rựa phát luống, chặt hạ dây leo liên tục trong 7 ngày thì nghỉ. Khoảng một tuần sau đó, Phạm Văn H nói với Phạm Văn T sử dụng 01 máy cưa xăng cưa hạ cây lớn trên diện tích đã phát luống, còn Phạm Văn H dùng rựa chặt hạ cây nhỏ trong thời gian 03 buổi thì nghỉ, không làm nữa và chờ cây khô rồi đốt. Trong thời gian chờ cây, dây leo khô để đốt thì bị lực lượng chức năng phát hiện và ngăn chặn hành vi chặt phá cây rừng trái phép.

[4] Căn cứ kết quả giám định ngày 30/9/2017 của các giám định viên tư pháp các vụ việc lâm nghiệp thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi, diện tích rừng mà bị cáo Phạm Văn H hủy hoại là 16.960 m² (*Mười sáu ngàn chín trăm sáu mươi mét vuông*) thuộc Lô 4, Khoảnh 3, Tiểu khu 416, xã B1 và Lô 2, Khoảnh 3, Tiểu khu 425, thuộc xã B2. Trong đó: Diện tích 10.780 m² nằm ở lô 4, khoảnh 3, tiểu khu 416 xã B1, huyện B thuộc chức năng quy hoạch rừng sản xuất, có tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại: $44,9419\text{m}^3/\text{ha} \times 1,0787\text{ha} = 48,4473\text{m}^3$, tổng khối lượng (*sản lượng*) gỗ bị thiệt hại: $48,4473\text{m}^3 \times 55\% = 26,6460\text{m}^3$; Diện tích 6.180 m² nằm ở lô 2, khoảnh 3, tiểu khu 425 xã B2 thuộc chức năng quy hoạch rừng phòng hộ đầu nguồn, có tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại: $45,1976\text{m}^3/\text{ha} \times 0,618\text{ha} = 27,9321\text{m}^3$, tổng khối lượng (*sản lượng*) gỗ bị thiệt hại: $27,9321\text{m}^3 \times 55\% = 15,3626\text{m}^3$.

[5] Xét hành vi của bị cáo, căn cứ vào diện tích và loại rừng bị hủy hoại, căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCAVKSNDTC TANDTC ngày 08/3/2007 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Tại Mục 3.6 Điều 3 Phần IV về một số tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự quy định: “b) “Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng” là hủy hoại các loại rừng này với diện tích trên mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính và điểm c khoản 5 Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐ-Cp ngày 11/11/2013 của Chính phủ, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi vi phạm của bị cáo Phạm Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “ Hủy hoại rừng” được quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tư đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Tuy nhiên khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì áp dụng pháp luật theo điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt 7 đến 15 năm tù; Nhưng hiện nay theo Bộ luật hình sự năm 2015 thì diện tích rừng phòng hộ mà bị cáo hủy hoại chỉ phạm vào khoản 1 điều 243, nhưng diện tích rừng

sản xuất mà bị cáo hủy hoại thì thuộc khoản 2 điều 243, căn cứ theo điểm b khoản 2 điều 7 Nghị định số 157/2013/NĐ-Cp ngày 11/11/2013 của Chính phủ tổng hợp diện tích bị thiệt hại của các loại rừng thì hành vi của bị cáo phạm vào khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt từ 3 năm đến 7 năm tù. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 thì “điều luật quy định một mức hình phạt nhẹ hơn...và quy định có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”. Do vậy để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội Hội đồng xét xử áp dụng thêm Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14...để áp dụng điểm đ, khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự 2015 khi lượng hình đối với bị cáo.

[7] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra thì thấy: Bị cáo là người đã đủ tuổi trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, hiểu biết pháp luật nhưng chỉ vì mục đích kiếm đất trồng keo, mà bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ. Hành vi phá rừng của bị cáo xâm hại đến tài nguyên quý báu của đất nước, rừng là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, có giá trị to lớn đối với nền kinh tế quốc dân, gắn liền với đời sống của nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mặc dù gia đình bị cáo hết sức khó khăn nhưng bị cáo đã cố gắng khắc phục một phần thiệt hại nộp bồi thường được 10.000.000đ, bị cáo là con liệt sĩ (cha, mẹ bị cáo đều là liệt sĩ trong chiến tranh) và hiện đang nuôi chị gái ruột là người có công với Cách mạng đã bị mù và bị liệt. Nên có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm x Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[9] Xét bị cáo có nhân thân tốt là con của gia đình truyền thống cách mạng, có cha mẹ đều là liệt sĩ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, đồng thời bị cáo là người duy nhất trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng chị gái là người có công cách mạng bị mù và bị liệt mất khả năng đi lại, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Để thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình là hoàn toàn phù hợp. Xét quan điểm và đề

ng nghị của Kiểm sát viên, luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về dân sự: số tiền bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước là 81.214.596 (Tám mươi một triệu, hai trăm mười bốn nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng), bị cáo đã bồi thường được 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), vì vậy cần buộc bị cáo Phạm Văn H tiếp tục bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 71.214.596 đồng (*bảy mươi một triệu, hai trăm mười bốn nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về phần diện tích 16.960 m² (*Mười sáu ngàn chín trăm sáu mươi mét vuông*) rừng bị hủy hoại, bị cáo H khai chưa trồng cây mà chỉ có cây tự nhiên mọc lại, nên Hội đồng xét xử giao diện tích rừng 16.960 m² do bị cáo H hủy hoại cho Ủy ban nhân dân xã B1 và Ủy ban nhân dân xã B2 tiếp tục quản lý theo thẩm quyền được Nhà nước giao. Trong đó: giao cho Ủy ban nhân dân xã B1 quản lý diện tích 10.780 m² ở lô 4, khoảnh 3, tiểu khu 416 xã B, huyện B thuộc chức năng quy hoạch rừng sản xuất; giao cho Ủy ban nhân dân xã B2 quản lý diện tích 6.180 m² nằm ở lô 2, khoảnh 3, tiểu khu 425 xã B, huyện B thuộc chức năng quy hoạch rừng phòng hộ đầu nguồn.

[12] Về tang vật vụ án: Đối với 01 máy cưa xăng hiệu SHARN, không có lam cưa, dài 44 cm, màu trắng – vàng, đã bị hư hỏng máy, không có nắp chụp và 01 cái rựa dài 45 cm, cán bằng gỗ tròn là tài sản của bị cáo dùng làm công cụ phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy đối với máy cưa xăng hiệu SHARN còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung công quỹ nhà nước; đối với 01 cái rựa xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[13] Về án phí xét bị cáo Phạm Văn H là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Theo quy định tại điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Căn cứ các điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[14] Đối với Phạm Văn T: là con rể của Phạm Văn H, cùng với bị cáo Phạm Văn H chặt phá cây rừng trái phép nhằm mục đích chiếm đất trồng keo. Tuy nhiên, Phạm Văn T không biết đây là rừng Nhà nước cấm chặt phá mà làm theo Phạm Văn H chỉ đạo. Do đó, việc Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát không xử lý hình sự đối với Phạm Văn T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “hủy hoại rừng”.

Áp dụng: điểm b khoản 3 điều 189; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 điều 51; Điều 65; điểm đ, khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên phạt bị cáo Phạm Văn H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27/3/2018. Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Phạm Văn H phải nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 81.214.596 (*tám mươi một triệu, hai trăm mười bốn nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng*), bị cáo đã nộp được 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), còn lại bị cáo tiếp tục phải nộp số tiền 71.214.596 đồng (*bảy mươi một triệu, hai trăm mười bốn nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng*)

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) và 8.000.000đ (*tám triệu đồng*) mà bị cáo Phạm Văn H đã nộp theo biên lai thu tiền số 00125 ngày 30/10/2017 và biên lai thu tiền số 04804 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã B1 quản lý diện tích 10.780 m² ở lô 4, khoảnh 3, tiểu khu 416 xã B, huyện B thuộc chức năng quy hoạch rừng sản xuất.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã B2 quản lý diện tích 6.180 m² nằm ở lô 2, khoảnh 3, tiểu khu 425 xã B, huyện B thuộc chức năng quy hoạch rừng phòng hộ đầu nguồn.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 máy cưa xăng hiệu SHARN, không có lam cưa, dài 44 cm, màu trắng – vàng, đã bị hư hỏng máy, không có nắp chụp; Tịch thu tiêu hủy 01 cái rựa dài 45 cm, cán bằng gỗ tròn, dài 19 cm, phần lưỡi dài 30 cm

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/10/2017)

4. Về án phí: Căn cứ các điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- VKS H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
- (Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Ngoan

